**QUY ĐỊNH**

**Về việc tổ chức dạy học tiếng Anh không chuyên**

**theo chuẩn TOEIC trong Trường Đại học Đồng Tháp**

(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 86/QĐ-ĐHĐT, ngày 19 tháng 03 năm 2012*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp*)

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định việc tổ chức dạy học tiếng Anh không chuyên theo chuẩn TOEIC trong Trường Đại học Đồng Tháp đối với các hệ đào tạo chính quy, trình độ đại học, cao đẳng.

**Điều 2. Một số quy định về tiếng Anh chuẩn TOEIC**

1. Chuẩn TOEIC là những quy định về việc học tiếng Anh theo chương trình TOEIC và thi chứng chỉ TOEIC.

2. Bậc của chuẩn TOEIC và chương trình học được quy định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bậc** | **Điểm chuẩn** | **Môn học** | **Số tín chỉ** |
| 1 | Từ 100 tới 199 | TOEIC 1 | 5 |
| 2 | Từ 200 tới 249 | TOEIC 2 | 5 |
| 3 | Từ 250 tới 299 | TOEIC 3 | 5 |
| 4 | Từ 300 tới 399 | TOEIC 4 | 5 |
| 5 | Từ 400 tới 499 | TOEIC 5 | 5 |
| 6 | Từ 500 trở lên | TOEIC 6 | 5 |

3. Chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra theo chuẩn TOEIC

a. Chuẩn đầu vào là quy định trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC cần phải có để học tiếp môn học này trong chương trình đào tạo.

b. Chuẩn đầu ra là quy định trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC cần phải có, làm điều kiện tốt nghiệp khóa đào tạo.

c. Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra theo chuẩn TOEIC cho các trình độ đào tạo được quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình độ** | **Chuẩn đầu vào** | **Chuẩn đầu ra** |
| Cao đẳng | Bậc 2 (TOEIC 2) | Bậc 3 (TOEIC 3) |
| Đại học | Bậc 3 (TOEIC 3) | Bậc 4 (TOEIC 4) |

d. **Môn học thuộc chuẩn đầu ra là môn học bắt buộc** trong các chương trình đào tạo. Các môn học có bậc cao hơn bậc của chuẩn được đưa vào các môn học tự chọn trong chương trình đào tạo để khuyến khích học tập.

**Điều 3. Quy định về học tập tiếng Anh theo chuẩn TOEIC**

**1. Điểm đầu vào**

Điểm đầu vào là điểm kiểm tra dùng để xác định bậc học tương ứng, được quy định trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Khung điểm đầu vào** | **Bậc học** |
| < 100 | Bậc 1 - TOEIC 1 |
| Từ 100 tới 199 | Bậc 2 - TOEIC 2 |
| Từ 200 tới 249 | Bậc 3 - TOEIC 3 |
| Từ 250 tới 299 | Bậc 4 - TOEIC 4 |
| Từ 300 tới 399 | Bậc 5 - TOEIC 5 |
| Từ 400 tới 499 | Bậc 6 - TOEIC 6 |

**2. Quá trình học tiếng Anh không chuyên theo chuẩn TOEIC**

Sinh viên (SV) năm thứ nhất sẽ được dự kỳ thi kiểm tra trình độ đầu vào, SV sau khi học xong một bậc học cũng được dự một kỳ thi kiểm tra trình độ để quyết định quá trình học tiếp theo:

a. Nếu điểm thi thấp hơn khung điểm chuẩn đầu ra: SV phải học lại, bắt đầu từ bậc tương ứng với điểm điểm thi nằm trong khung điểm đầu vào theo quy định trong khoản 1, điều này.

b. Nếu điểm thi nằm trong hoặc lớn hơn khung điểm chuẩn đầu ra: SV có thể ngưng học (do đã đạt chuẩn) hoặc học tiếp để được hưởng điểm khuyến khích theo quy định trong khoản 4, điều 4 về điểm vượt chuẩn.

**3. Chứng chỉ TOEIC quốc tế**

Sinh viên đạt trình độ TOEIC bậc 5 trở lên, muốn có chứng chỉ quốc tế về TOEIC, đăng ký dự thi và nộp lệ phí tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (NN-TH).

**Điều 4. Quy định về kết quả học tập**

1. Các môn học TOEIC 1, TOEIC 2 đối với trình độ cao đẳng và TOEIC 1, TOEIC 2, TOEIC 3 đối với trình độ đại học là các môn học điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

2. Môn học bắt buộc TOEIC 3 đối với trình độ cao đẳng và TOEIC 4 đối với trình độ đại học được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm tích lũy của các môn học được quy từ điểm chuẩn TOEIC về thang điểm chữ theo bảng quy đổi sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm bậc học** | | **Quy về điểm chữ** |
| TOEIC 3 | TOEIC 4 |  |
| < 250 | < 300 | F |
| 250 – 261 | 300 - 324 | D |
| 262 – 273 | 325 - 349 | C |
| 274 – 286 | 350 - 374 | B |
| 287- 299 | 375 - 399 | A |

3. Các chứng chỉ TOEFL, IELTS do các cơ sở đánh giá được phép của Bộ GDĐT, còn trong thời gian sử dụng được quy đổi tương đương về chuẩn TOEIC; các chứng chỉ TOEIC do các cơ sở đánh giá được phép của Bộ GDĐT, không đăng ký học tại Trường ĐH Đồng Tháp, còn trong thời gian sử dụng, nếu đạt chuẩn đầu ra thì chuyển thành điểm R cho môn học trong chuẩn tương ứng (miễn học và không tính vào điểm trung bình chung tích lũy). Việc quy đổi được quy định bởi bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TOEIC | TOEFL Paper | TOEFL CBT | TOEFL IBT | IELTS |
| 0 - 250 | 0 - 310 | 0 - 30 | 0 - 8 | 0 – 1 |
| 310 - 343 | 33 - 60 | 9 - 18 | 1 - 1.5 |
| 255 - 400 | 347 - 393 | 63 - 90 | 19 - 29 | 2 - 2.5 |
| 397 - 433 | 93 - 120 | 30 - 40 | 3 - 3.5 |
| 405 - 600 | 437 - 473 | 123 - 150 | 41 - 52 | 4 |
| 477 - 510 | 153 - 180 | 53 - 64 | 4.5 - 5 |
| 605 - 780 | 513 - 547 | 183 - 210 | 65 - 78 | 5.5 – 6 |
| 550 - 587 | 213 - 240 | 79 - 95 | 6.5 – 7 |
| 785 - 990 | 590 - 677 | 243 - 300 | 96 - 120 | 7.5 – 9 |

4. Điểm vượt chuẩn: điểm kiểm tra lớn hơn trình độ chuẩn gọi là điểm vượt chuẩn. Điểm vượt chuẩn là điểm A cho các môn học được quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm kiểm tra** | **Cao Đẳng** | **Đại học** |
| 300 - 399 | TOEIC 4 | - |
| 400 - 499 | TOEIC 4, TOEIC 5 | TOEIC 5 |
| > 500 | TOEIC 4, TOEIC 5, TOEIC 6 | TOEIC 5, TOEIC 6 |

Điểm vượt chuẩn được tính vào điểm trung bình chung tích lũy và thay thế cho môn học Tiếng Anh chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

**Điều 5. Nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan**

**1. Phòng Quản lý đào tạo** (QLĐT)

1. Đưa các môn học theo quy định trong mục d, khoản 3, điều 2 vào các chương trình đào tạo.
2. Tổ chức cho SV đăng ký các môn học.

**2. Trung tâm NN-TH**

1. Thu học phí và thanh toán tiền thù lao dạy học cho giáo viên (GV) theo quy định của nhà trường.
2. Phối hợp với phòng QLĐT trong việc điều hành dạy và học.
3. Phối hợp với phòng Thanh tra đào tạo kiểm tra tính hợp pháp các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ sở khác cấp theo quy định trong khoản 3, điều 4 quy định này.
4. Tổ chức kiểm tra, công bố điểm và thông báo chương trình học cho SV sau khi có điểm thi.
5. Tổ chức giảng dạy theo đúng quy định về dạy học trong Học chế tín chỉ.
6. Tổ chức kiểm tra cuối các bậc học, công bố điểm và điều chỉnh chương trình học cho mỗi SV theo quy định.
7. Nhập điểm kiểm tra đạt và vượt chuẩn chậm nhất 1 tuần, kể từ ngày thi.
8. Cung cấp thông tin về SV tham gia học tại trung tâm cho các Khoa.

**3. Khoa Ngoại ngữ**

1. Phối hợp với Trung tâm NN-TH phát triển chương trình đào tạo.
2. Cử GV tham gia giảng dạy.
3. Phối hợp với Phòng QLĐT thẩm định tiêu chuẩn GV mời giảng theo quy định về GV thỉnh giảng của nhà trường
4. Phối hợp với Trung tâm NN-TH quản lý dạy học.

**4. Các Khoa đào tạo**

1. Phối hợp với Trung tâm NN-TH trong việc quản lý SV của khoa tham gia học.
2. Nhắc nhở, động viên SV hoàn thành nhiệm vụ học tập và đóng học phí theo đúng quy định.

**5. Phòng Thanh tra đào tạo**

1. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện dạy và học TOEIC theo đúng quy định.
2. Phối hợp với Trung tâm NN-TH Kiểm tra tính hợp pháp các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ sở khác cấp theo quy định trong khoản 3, điều 4 quy định này.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Văn bản này thay thế các quy định trước đây về việc học tiếng Anh không chuyên trong Trường Đại học Đồng Tháp và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các đơn vị trong trường có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy định này.

**HIỆU TRƯỞNG**